

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3152** /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **25** tháng 9 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Yên Mỹ,  
huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 về quản lý an toàn đập; Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai của Chính phủ;

Xét đề nghị của Công ty TNHH một thành viên Sông Chu tại Tờ trình số 1210/SC-KT ngày 09/9/2014 về việc phê duyệt Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia (kèm theo hồ sơ) và Báo cáo kết quả thẩm định số 2227/SNN&PTNT-TL ngày 08/9/2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia.

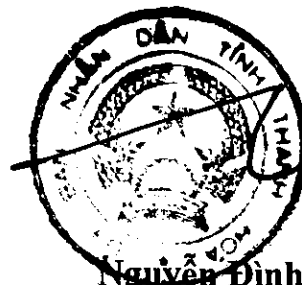
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND các huyện Tĩnh Gia, Như Thanh, Nông Cống, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, Chánh Văn phòng Thường trực Chi huy PCLB tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
  - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
  - Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Tổng cục Thủy lợi;
  - Phó Chánh Văn phòng Mai Như Thắng;
  - Lưu: VT, NN.
- } (để b/c);

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Xứng**

**QUY TRÌNH  
VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT HỒ CHỨA NƯỚC YÊN MỸ,  
HUYỆN TĨNH GIA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Mọi hoạt động có liên quan đến quản lý khai thác và bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước Yên Mỹ đều phải tuân thủ:

1. Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;
2. Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
3. Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001;
4. Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;
5. Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;
6. Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều; phòng, chống lụt, bão;
7. Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
8. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
9. Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành:
  - Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 285: 2002 về công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về thiết kế;
  - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8304-2009 về công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi;
  - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8412: 2010 về công trình thủy lợi - hướng dẫn lập Quy trình vận hành;
  - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8414: 2010 về công trình thủy lợi - quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPTNT về công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm khác có liên quan.

**Điều 2.** Việc vận hành điều tiết hồ chứa nước Yên Mỹ phải đảm bảo:

1. An toàn công trình theo chỉ tiêu phòng, chống lũ với tần suất lũ thiết kế  $P = 1,0\%$  tương ứng với mực nước cao nhất là +23.03 m; tần suất lũ kiểm tra  $P = 0,2\%$  tương ứng với mực nước cao nhất là +23.75 m;

2. Cấp nước phục vụ nông nghiệp, phát điện, sinh hoạt, công nghiệp và các nhu cầu dùng nước khác theo nhiệm vụ thiết kế được duyệt.

**Điều 3.** Việc vận hành cống lấy nước, tràn xả lũ phải tuân thủ Quy trình vận hành của công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 4.** Vận hành điều tiết hồ chứa:

1. Quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia (sau đây gọi tắt là Quy trình) là cơ sở pháp lý để Công ty TNHH một thành viên Sông Chu (sau đây gọi tắt là Công ty Sông Chu) vận hành điều tiết hồ chứa nước Yên Mỹ;

2. Trong mùa mưa lũ, khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình, việc vận hành điều tiết và phòng chống lụt bão của hồ chứa phải theo sự chỉ đạo điều hành thống nhất của UBND tỉnh Thanh Hóa trực tiếp là Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa.

## **Chương II** **VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT TRONG MÙA LŨ**

**Điều 5.** Trước mùa mưa lũ hàng năm, Công ty Sông Chu phải thực hiện:

1. Kiểm tra công trình trước lũ theo đúng quy định hiện hành, phát hiện và xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ;

2. Căn cứ vào dự báo khí tượng thủy văn mùa lũ hàng năm và Quy trình, lập kế hoạch tích, xả nước cụ thể trong mùa lũ làm cơ sở vận hành điều tiết hồ chứa, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa;

3. Lập phương án phòng chống lụt bão và phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du cho hồ chứa nước Yên Mỹ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**Điều 6.** Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa lũ:

1. Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải thấp hơn hoặc bằng tung độ "Đường phòng phá hoại" trên biểu đồ điều phối (phụ lục số III.3);

2. Mức nước hồ cao nhất ở cuối các tháng trong mùa lũ được giữ như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	31/VIII	30/IX	31/X	30/XI
Mức nước (m)	17.20	17.50	18.30	18.50

**Điều 7.** Khi mực nước hồ đến giới hạn quy định tại Khoản 2, Điều 6, Công ty Sông Chu phải sẵn sàng xả lũ; trước khi tiến hành xả lũ, Công ty Sông Chu phải thực hiện:

1. Căn cứ vào diễn biến tình hình khí tượng thủy văn, hiện trạng đầu mối, vùng hạ du hồ chứa nước và Quy trình để quyết định việc xả lũ (số cửa, thời gian mở,...);

2. Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc xả lũ, đảm bảo an toàn cho người, tài sản khi xả lũ;

3. Thông báo trước 4 giờ cho chính quyền địa phương để phổ biến đến nhân dân vùng hạ du và các đơn vị liên quan về việc xả lũ, đảm bảo an toàn cho người, tài sản khi xả lũ.

**Điều 8.** Vận hành xả lũ trong một số trường hợp đặc biệt:

1. Khi mực nước hồ cao hơn quy định tại Khoản 2, Điều 6 nhưng chưa vượt quá +18.50 m, Công ty Sông Chu báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định cho phép giữ mực nước hoặc vận hành cửa tràn xả lũ theo quy định;

2. Khi mực nước hồ đạt +18.50 m và đang lên, Công ty Sông Chu phải vận hành cửa tràn xả lũ, giữ mực nước hồ không vượt quá +23.03 m, đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

3. Trường hợp xảy ra mưa lũ đặc biệt lớn, mực nước hồ có nguy cơ vượt quá +23.03 m, UBND tỉnh quyết định triển khai thực hiện phương án phòng chống lụt bão, bảo đảm an toàn hồ chứa và vùng hạ du.

### **Chương III**

#### **VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT TRONG MÙA KIẾT**

**Điều 9.** Trước mùa kiệt hàng năm, Công ty Sông Chu căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước, lập phương án cấp nước, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thông báo cho các hộ dùng nước trong hệ thống biết.

**Điều 10.** Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa kiệt:

1. Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối (phụ lục số III.3);

2. Mức nước hồ thấp nhất ở cuối các tháng trong mùa kiệt được giữ như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	31/XII	31/I	28/II	31/III	30/IV	31/V	30/VI	31/VII
Mức nước (m)	17.56	16.95	16.56	15.84	15.34	15.27	14.85	14.46

**Điều 11.** Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước", Công ty Sông Chu đảm bảo cấp đủ nước cho các nhu cầu dùng nước theo phương án cấp nước.

**Điều 12.** Vận hành cấp nước trong một số trường hợp đặc biệt:

1. Khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết, Công ty Sông Chu và các hộ dùng nước phải thực hiện các biện pháp cấp nước và sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế trường hợp thiếu nước vào cuối mùa kiệt;

2. Khi mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn mực nước chết, Công ty Sông Chu phải lập phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và thực hiện.

#### **Chương IV VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT HỒ CHỨA KHI CÓ SỰ CỐ**

**Điều 13.** Khi công trình đầu mối của hồ chứa (đập chính, tràn xả lũ, cống lấy nước, đập Bồng Bồng) có dấu hiệu xảy ra sự cố gây mất an toàn cho công trình, Công ty Sông Chu phải lập phương án xử lý khẩn cấp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

#### **Chương V QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

**Điều 14.** Công ty Sông Chu phải thu thập, quan trắc, đo đạc, lập sổ theo dõi mực nước, lượng mưa và các yếu tố khí tượng thủy văn khác có liên quan theo quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành.

**Điều 15.** Hàng năm, Công ty Sông Chu phải tính toán và dự báo lượng nước đến hồ để làm cơ sở lập kế hoạch tích, cấp, xả nước.

**Điều 16.** Tính toán, đánh giá và kiểm tra lưu lượng lũ, kiệt:

1. Kết thúc các đợt xả lũ và sau mùa lũ hàng năm, Công ty Sông Chu đánh giá, tổng kết các đợt xả lũ (lưu lượng xả, số công trình xả, thời gian xả, tổng lượng xả, diễn biến mực nước thượng lưu hồ, ảnh hưởng đối với vùng hạ du,...);

2. Hàng năm, Công ty Sông Chu tiến hành thu thập, đo đạc, tính toán lưu lượng và tổng lượng lũ đến hồ; đo đạc kiểm tra lưu lượng và tổng lượng nước đến mùa kiệt của hồ.

## **Chương VI TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN**

### **A. CÔNG TY SÔNG CHU.**

**Điều 17.** Tổng Giám đốc Công ty Sông Chu chịu trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định trong Quy trình để vận hành điều tiết hồ chứa nước Yên Mỹ đảm bảo an toàn công trình và đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước;

2. Trong quá trình quản lý khai thác, hàng năm Công ty Sông Chu phải tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy trình vận hành điều tiết hồ. Nếu thấy cần thiết sửa đổi, bổ sung Quy trình, Công ty Sông Chu báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. Lập biên bản và báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình.

**Điều 18.** Quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty Sông Chu:

1. Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" của biểu đồ điều phối;

2. Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" của biểu đồ điều phối và cao hơn mực nước chết, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

3. Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn mực nước chết theo phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

4. Quyết định xả lũ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 7; Điều 8 của Quy trình;

5. Kịp thời báo cáo và thực hiện các quyết định của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tình khi xảy ra tình huống như quy định tại Khoản 3, Điều 8 của Quy trình.

### **B. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.**

**Điều 19.** Trách nhiệm và quyền hạn:

1. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Công ty Sông Chu thực hiện Quy trình để cấp nước phục vụ sản xuất và các mục đích khác, đặc biệt là việc vận hành xả lũ của hồ chứa;

2. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình theo thẩm quyền;
3. Trình UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quy trình;
4. Thẩm định phương án phòng chống lụt bão hàng năm của hồ chứa nước Yên Mỹ, báo cáo Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt; theo dõi việc thực hiện phương án;
5. Phê duyệt phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết của hồ chứa quy định tại Khoản 2, Điều 12 của Quy trình này;
6. Theo dõi việc thực hiện cấp nước trong mùa kiệt của hồ chứa quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

### **C. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA.**

#### **Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn:**

1. Xử lý các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình theo thẩm quyền;
2. Quyết định việc vận hành điều tiết, xả lũ hồ chứa nước Yên Mỹ khi xảy ra tình huống quy định tại Khoản 2, Điều 4; Điều 8; Điều 13 của Quy trình;
3. Chỉ đạo Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn, Công ty Sông Chu và các ngành, các cấp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ khi xảy ra tình huống quy định tại Khoản 2, Điều 4; Khoản 3, Điều 8; Điều 13 của Quy trình;
4. Huy động nhân lực, vật lực để xử lý và khắc phục các sự cố của hồ chứa nước Yên Mỹ;
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy trình theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **D. CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN CÁC HUYỆN TỈNH GIA, NHƯ THANH VÀ NÔNG CÔNG.**

#### **Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn:**

1. Nghiêm chỉnh thực hiện Quy trình;
2. Ngăn chặn, xử lý và thông báo cho Công ty Sông Chu những hành vi xâm hại đến công trình và ngăn cản việc thực hiện Quy trình hoặc vi phạm các quy định của Quy trình theo thẩm quyền;
3. Thực hiện phương án đảm bảo an toàn cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ và trường hợp xảy ra sự cố;
4. Tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi, tham gia phòng chống lụt bão, bảo vệ an toàn công trình;

5. Huy động nhân lực, vật lực, phối hợp với Công ty Sông Chu phòng chống lụt bão, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

#### **E. CÁC HỢP DÙNG NƯỚC VÀ CÁC ĐƠN VỊ HƯỞNG LỢI KHÁC.**

##### **Điều 22. Trách nhiệm:**

1. Nghiêm chỉnh thực hiện Quy trình;
2. Ký hợp đồng dùng nước với Công ty Sông Chu để Công ty lập kế hoạch cấp nước, xả nước hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh tế và an toàn công trình;
3. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi, các văn bản pháp lý có liên quan đến việc quản lý khai thác và bảo vệ công trình hồ chứa nước Yên Mỹ.

#### **Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 23.** Mọi quy định về vận hành điều tiết hồ chứa nước Yên Mỹ trước đây trái với những quy định trong Quy trình này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện Quy trình, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Công ty Sông Chu phải tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 24.** Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Nguyễn Đình Xứng**



**PHỤ LỤC**  
**KÈM THEO QUY TRÌNH VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT HỒ CHỨA NƯỚC**  
**YÊN MỸ, HUYỆN TĨNH GIA**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3152/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**PHỤ LỤC I**  
**GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ HỒ CHỨA NƯỚC YÊN MỸ.**

**I. Vị trí địa lý, địa hình tự nhiên, môi trường hiện trạng lưu vực.**

1. Tên công trình: Hồ chứa nước Yên Mỹ.

2. Địa điểm xây dựng: Hồ chứa nước Yên Mỹ được xây dựng năm 1978, hoàn thiện hệ thống và đưa vào khai thác sử dụng năm 1984. Vị trí đập chính được xây dựng ở 19°30' vĩ độ Bắc và 105°45' Kinh độ Đông thuộc địa phận xã Yên Mỹ, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

3. Địa hình, địa lý tự nhiên lưu vực:

Sông Thị Long là nhánh sông lớn thứ hai của hệ thống sông Yên phát nguồn từ xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An ở cao độ +120.00 m đến +125.00 m, hướng chảy chính từ Tây Nam - Đông Bắc, chảy xuống vùng đồng bằng huyện Tĩnh Gia, Nông Công đến ngã ba Tuần nhập vào hữu sông Yên cách biển 14 km. Lưu vực sông Thị Long có hình dạng lông chim dài 49 km, diện tích 270 km<sup>2</sup>, tính đến Yên Mỹ là 137 km<sup>2</sup>.

Lớp phủ thực vật, hầu hết là rừng thưa, cây bụi và một số nơi là đồi trọc, phần diện tích rừng già và rậm rạp còn rất ít.

Địa hình: Là vùng đồi núi cao, sườn dốc, lũ tập trung nhanh.

Địa chất: Phần lớn là đất đỏ ba zan và phiến thạch được hình thành do phong hóa của đá gốc tại chỗ, đa số phát triển trên đá trầm tích, cấu tạo phần địa chất không dày.

**II. Lịch sử và nhiệm vụ của công trình.**

1. Lịch sử công trình:

- Năm 1960, đập Bồng Bồng được xây dựng thuộc địa phận xã Cát Sơn, huyện Tĩnh Gia, có nhiệm vụ tưới cho 3.100 ha đất canh tác 6 xã của huyện Tĩnh Gia.

- Năm 1970-1973, Bộ Thủy lợi lập quy hoạch tưới, tiêu vùng sông Yên.

- Năm 1973-1975, hồ Yên Mỹ được nghiên cứu khảo sát, thiết kế.

- Năm 1978, công trình được khởi công xây dựng, đến năm 1984 công trình hệ thống tưới tiêu hồ Yên Mỹ được hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

- Tháng 11/2001, dự cải tạo nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Yên Mỹ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; năm 2003 tiến hành sửa chữa, đến năm 2005 hoàn thành dự án.

2. Nhiệm vụ công trình: Khu đầu mối gồm 2 hồ:

- a) Hồ Yên Mỹ: Là công trình cấp III; theo thiết kế có nhiệm vụ:
- Tưới cho 5.840 ha đất canh tác nông nghiệp của các xã của huyện Tĩnh Gia và huyện Nông Cống.
  - Cấp nước cho Nhà máy nước sạch Tĩnh Gia với công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - Cấp nước cho khu công nghiệp Nghi Sơn với công suất 55.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - Cắt 50% đỉnh lũ tần suất P = 1% của sông Thị Long.
- b) Hồ Bông Bông: Nằm ở hạ lưu đập chính hồ Yên Mỹ. Đập Bông Bông được xây dựng để tưới bằng dòng chảy cơ bản; sau khi xây dựng hồ Yên Mỹ, đập Bông Bông nhập nước từ hồ Yên Mỹ để điều tiết cho kênh chính Yên Mỹ.
3. Cấp công trình đầu mối: Cấp III.
4. Các thông số kỹ thuật chính công trình đầu mối:

STT	Các thông số	Đơn vị	Tri số	
			Mới	Cũ
<b>I. Đặc trưng lưu vực và dòng chảy</b>				
1	Diện tích lưu vực (Flv)	Km <sup>2</sup>	137	137
2	Chiều dài sông chính	km	22,2	22,2
3	Lượng mưa bình quân năm (BQNN) Xo	mm	1.690,8	1.737
4	Lưu lượng bình quân nhiều năm (Qo)	m <sup>3</sup> /s	3,84	3,47
5	Độ sâu dòng chảy BQNN (Yo)	mm	818,9	799
6	Mô đuyên dòng chảy BQNN (Mo)	l/s/km <sup>2</sup>	28,3	25,3
7	Tổng lượng BQNN (Wo)	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	121,1	109,45
8	Lưu lượng năm P = 75% (Q <sub>75%</sub> )	m <sup>3</sup> /s	2,57	2,53
9	Tổng lượng năm P = 75% (W <sub>75%</sub> )	m <sup>3</sup> /s	80,1	79,8
10	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế P = 1,0%	m <sup>3</sup> /s	1.228,1	1.700
11	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra P = 0,2%	m <sup>3</sup> /s	1.524,6	1.860
12	Tổng lượng đỉnh lũ thiết kế P = 1,0%	m <sup>3</sup> /s	90,35	90,24
13	Lưu lượng xả lũ thiết kế P = 1,0%	m <sup>3</sup> /s	423,3	465
14	Lưu lượng xả lũ kiểm tra P = 0,2%	m <sup>3</sup> /s	488,2	502,4
15	Diện tích tưới	ha	5.099	5.840
16	Lượng nước yêu cầu tưới cho nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	88,9	85
<b>II. Các thông số của hồ chứa</b>				
17	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	+20.36	+20.36
18	Mực nước chết (MNC)	m	+8.50	+8.50
19	Mực nước lũ thiết kế P = 1,0% (MNDGC)	m	+23.03	+23.03
20	Mực nước lũ kiểm tra P = 0,2%	m	+23.75	+23.37

21	Dung tích toàn bộ (ứng với MNDGC)	$10^6\text{m}^3$	124,51	124,51
22	Dung tích hữu ích	$10^6\text{m}^3$	58,10	58,10
23	Dung tích chết	$10^6\text{m}^3$	2,9	2,9
24	Dung tích theo mực nước tích theo quy trình	$10^6\text{m}^3$	61,0	-
25	Diện tích hồ ứng với MNDBT	ha	1.390	1.390
26	Diện tích hồ ứng với MNC	ha	92	92
27	Hệ số dung tích $\beta$		0,75	0,7
28	Hệ số dòng chảy $\alpha$		0,48	0,46
29	Chế độ điều tiết		Nhiều năm	
<b>III. Quy mô kết cấu các hạng mục chính</b>				
<b>A. Đập chính</b>				
30	Chiều cao đập lớn nhất	m	26,2	26,2
31	Chiều dài đỉnh đập	m	715	715
32	Cao trình đỉnh đập	m	+24.50	+24.50
33	Cao trình tường chắn sóng	m	+25.30	+25.30
34	Bề rộng mặt đập	m	5	5
<b>B. Đập phụ</b>				
35	Chiều cao đập lớn nhất	m	12,7	12,7
36	Chiều dài đỉnh đập	m	1.174	1.174
37	Cao trình đỉnh đập	m	+24.50	+24.50
38	Cao trình tường chắn sóng	m	+25.30	+25.30
<b>C. Tràn xả lũ</b>				
39	Hình thức tràn		Xả mặt, 3 cửa van cung	
40	Cao trình ngưỡng tràn	m	+16.50	+16.50
41	Kích thước tràn n(B×H)	m	3(6×4)	3(6×4)
42	Hình thức tiêu năng		Tiêu lắng đáy	
43	Chiều dài dốc nước sau tràn	m	106	106
44	Lưu lượng xả lũ thiết kế P =1,0%	$\text{m}^3/\text{s}$	423,3	465
45	Chiều cao cột nước tràn P =1,0%	m	6,53	6,53
<b>D. Cổng lấy nước</b>				
46	Hình thức kết cấu		Cổng chảy có áp	
47	Cao trình đáy cổng thượng lưu	m	+6.00	+6.00
48	Cao trình đáy cổng hạ lưu	m	+5.90	+5.90
49	Khẩu diện cổng trước tháp (b×h)	cm	(1,7×2)	(1,7×2)
50	Chiều dài cổng L	$\text{m}^3/\text{s}$	104	104

**PHỤ LỤC II**  
**NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY TRÌNH VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT**  
**HỒ CHỨA NƯỚC YÊN MỸ.**

**I. Các văn bản pháp lý.**

1. Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;
2. Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
3. Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001;
4. Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;
5. Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;
6. Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; phòng, chống lụt, bão;
7. Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
8. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
9. Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành:
  - Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 285: 2002 về công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về thiết kế;
  - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8304-2009 về công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi;
  - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8412: 2010 về công trình thủy lợi - hướng dẫn lập Quy trình vận hành;
  - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8414: 2010 về công trình thủy lợi - quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước;
  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPTNT về công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về thiết kế;
  - Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm khác có liên quan.

**II. Các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn.**

- Các tài liệu khí tượng thủy văn dùng trong thiết kế hồ chứa nước Yên Mỹ;
- Các tài liệu mưa, mực nước hồ; các số liệu trong quá trình tích, xả nước (đến năm 2012);
- Các tài liệu, số liệu để lập Quy trình vận hành công trình đầu mối.

### **III. Mục tiêu và yêu cầu.**

- Về phòng chống lũ: Đảm bảo an toàn cho công trình theo tần suất lũ thiết kế  $P = 1,0\%$  và lũ kiểm tra  $P = 0,2\%$ .

- Về cấp nước: Đảm bảo cấp đủ nước theo các nhiệm vụ thiết kế được duyệt.

**PHỤ LỤC III**  
**CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRA.**

**Phụ lục III. 1:** Kết quả tính toán nhu cầu nước cho các ngành.

**Phụ lục III. 2:** Tổng hợp kết quả tính toán điều tiết lũ.

**Phụ lục III. 3:** Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Yên Mỹ.

**Phụ lục III. 4:** Bảng tra và đồ thị quan hệ mực nước ~ dung tích ~ diện tích hồ Yên Mỹ.

**PHỤ LỤC III. 1**  
**KẾT QUẢ TÍNH TOÁN NHU CẦU NƯỚC CHO CÁC NGÀNH.**

**Tổng lượng nước yêu cầu tại đầu mối**

Phân phối yêu cầu dùng nước theo diện tích tưới thiết kế tại đầu mối hồ Yên Mỹ, với tần suất  $P = 75\%$ .

*Đơn vị:  $10^6 m^3$*

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
<b>Nông nghiệp</b>	6,03	5,81	6,50	6,64	0,83	15,35	9,85	1,98	4,96	0,72	0,38	12,15	<b>71,20</b>
<b>Sinh hoạt</b>	0,46	0,43	0,48	0,46	0,48	0,46	0,48	0,48	0,46	0,48	0,46	0,48	<b>5,60</b>
<b>Công nghiệp</b>	1,00	0,93	1,03	1,00	1,03	1,00	1,03	1,03	1,00	1,03	1,00	1,03	<b>12,13</b>
<b>Tổng</b>	<b>7,49</b>	<b>7,17</b>	<b>8,01</b>	<b>8,10</b>	<b>2,34</b>	<b>16,81</b>	<b>11,36</b>	<b>3,49</b>	<b>6,42</b>	<b>2,23</b>	<b>1,84</b>	<b>13,66</b>	<b>88,93</b>

**PHỤ LỤC III. 2**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TÍNH TOÁN ĐIỀU TIẾT LŨ.**

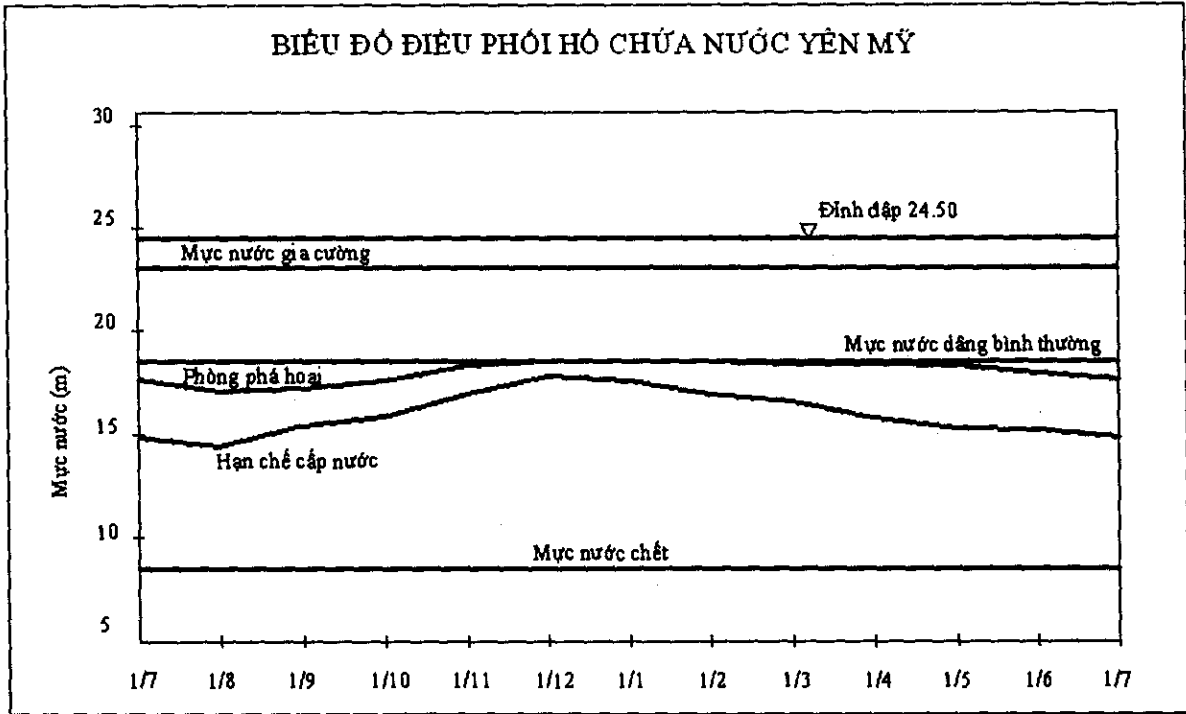
Theo QCVN 04-05:2012/BNNPTNT và yêu cầu phòng chống lũ, hồ chứa nước Yên Mỹ có các tần suất thiết kế lũ như sau:

- Tần suất đảm bảo chống lũ thiết kế cho công trình với  $P = 1,0\%$ .
- Tần suất đảm bảo chống lũ kiểm tra cho công trình với  $P = 0,2\%$ .

<b>Phương án tính</b>	<b><math>Q_{đến\ max}</math></b>	<b><math>Q_{xả\ max}</math></b>	<b><math>W_{max}</math></b>	<b><math>H_{max}</math></b>
<b>Đơn vị</b>	<b>(<math>m^3/s</math>)</b>	<b>(<math>m^3/s</math>)</b>	<b>(<math>10^6 m^3</math>)</b>	<b>(m)</b>
Lũ thiết kế 1,0%	1.228,1	423,3	124,5	23,03
Lũ kiểm tra 0,2%	1.524,6	488,2	136,8	23,75



**PHỤ LỤC III. 3  
BIỂU ĐỒ ĐIỀU PHỐI**



**Tung độ biểu đồ điều phối hồ chứa nước Yên Mỹ**

Ngày/tháng	31/VII	31/VIII	30/IX	31/X	30/XI	31/XII	31/I	28/II	31/III	30/IV	31/V	30/VI	31/VI
Đường hạn chế cấp nước	14.46	15.41	15.88	16.95	17.69	17.56	16.95	16.56	15.84	15.34	15.27	14.85	14.46
Đường phòng phá hoại	17.02	17.20	17.50	18.30	18.50	18.50	18.50	18.42	18.36	18.23	17.99	17.68	17.02
Mức nước chết	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50
Mức nước dâng bình thường	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50	18.50
Mức nước siêu cao	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03	23.03

**PHỤ LỤC III. 4**  
**BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, DUNG TÍCH HỒ CHỨA NƯỚC YÊN MỸ.**

Z(m)	V (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	F(ha)
3.00	0,1	0,120
4.00	0,4	0,285
5.00	0,8	0,450
6.00	1,2	0,600
7.00	1,7	0,729
8.00	2,4	0,900
9.00	3,4	1,133
10.00	5,0	1,500
11.00	7,0	1,909
12.00	9,8	2,450
13.00	13,4	3,092
14.00	19,0	4,071
15.00	26,0	5,200
16.00	34,0	6,375
17.00	45,0	7,941
18.00	55,0	9,167
19.00	67,0	10,579
20.00	79,5	11,925
21.00	93,0	13,286
22.00	108,0	14,727
23.00	124,0	16,174
24.00	141,0	17,625
25.00	159,0	19,080
26.00	179,0	20,654

